

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình,
dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)**

Căn cứ các Luật, Pháp lệnh về thuế hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh thuế;

Căn cứ Điều 28 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức như sau:

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (dưới đây gọi chung là các dự án ODA), được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các từ ngữ được định nghĩa tại điểm 2, Điều 1 và Điều 4 của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP, được sử dụng tại Thông tư này có nghĩa như đã được định nghĩa tại điểm 2, Điều 1 và Điều 4 của Quy chế nêu trên. Ngoài ra, trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Nhà thầu chính” là tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng

hóa, dịch vụ cho dự án ODA. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.

- “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.

3. Các loại thuế áp dụng đối với dự án ODA theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm: thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), phí và lệ phí.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu:

Chủ dự án ODA không hoàn lại, nhà thầu chính thực hiện dự án ODA không hoàn lại không phải nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT đối với hàng hóa do Chủ dự án ODA, nhà thầu chính trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu để thực hiện dự án ODA.

Hồ sơ xuất trình với cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa bao gồm:

- Hồ sơ hải quan;

- Tờ khai xác nhận viện trợ có xác nhận của cơ quan Tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2007/TT-BTC ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước;

- Bản sao Giấy báo trúng thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hóa trong đó có quy định giá trúng thầu không bao gồm thuế NK (đối với trường hợp tổ chức trúng thầu nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu hàng hóa).

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc không thu thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại.

2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam:

2.1. Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc

hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

Ví dụ: Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại A đã được cấp có thẩm quyền duyệt ký hợp đồng thầu xây dựng công trình Bệnh viện Nhi với giá thầu chưa có thuế GTGT là 4 tỷ đồng và thuế GTGT là 400 triệu đồng (thuế suất 10%), tổng trị giá bao gồm cả thuế GTGT là 4,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Chủ dự án nói trên được phê duyệt để ký hợp đồng thầu mua hàng hoá, dịch vụ khác với giá thầu chưa có thuế GTGT là 100 triệu đồng và thuế GTGT là 10 triệu đồng, tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT là 110 triệu đồng. Chủ dự án không được NSNN bố trí vốn đối ứng để thanh toán theo giá có thuế GTGT.

Chủ dự án ODA nói trên được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước là 410 (400 + 10) triệu đồng.

2.2. Trường hợp Nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của Nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án ODA không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA không hoàn lại thì Nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực

hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

2.3. Trường hợp Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại đã được NSNN cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT trong quá trình thực hiện dự án thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT.

3. Thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

3.1. Thuế NK, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT theo quy định của Luật thuế XK, thuế NK, Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành (trừ hàng hóa nhập khẩu của nhà thầu chính nêu tại điểm 1 Mục II Thông tư này);

b) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được miễn thuế NK và không phải trả thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình của dự án ODA viện trợ không hoàn lại và được miễn thuế XK khi tái xuất;

Hồ sơ miễn thuế NK, không thu thuế GTGT khi nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế XK, thuế NK, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc miễn thuế NK, không thu thuế GTGT khi nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

Khi kết thúc thời hạn thi công công trình, dự án, nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất hàng hóa nêu trên. Trường hợp nhượng bán tại thị trường Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải kê khai nộp thuế NK, thuế GTGT theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Riêng đối với xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi và xe ô tô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng việc miễn thuế NK, thuế TTĐB theo hình thức tạm nhập, tái xuất. Các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng

phải nộp thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Mức hoàn thuế và thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế XK, thuế NK, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu và Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB.

3.2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam:

Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế

GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

3.3. Cá nhân làm việc cho nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN.

3.4. Trường hợp Nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT thì Nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua

hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

Ví dụ: Công ty A ký hợp đồng với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại để xây dựng công trình trường học theo giá trúng thầu không bao gồm thuế GTGT là 4 tỷ đồng thì Công ty A được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho việc xây dựng công trình theo hợp đồng ký với Chủ dự án.

Nhà thầu chính phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ ký với Chủ dự án hoặc nhà tài trợ của dự án ODA viện trợ không hoàn lại. Trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào thì không được hoàn thuế GTGT.

4. Thuế TNCN đối với cá nhân làm việc cho Chủ dự án ODA và Ban quản lý dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

Cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài làm việc cho dự án ODA, Ban quản lý dự án ODA thực hiện kê khai, nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN.

5. Ưu đãi thuế đối với chuyên gia nước ngoài làm việc cho các dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

Trường hợp cá nhân là người nước ngoài được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA, thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế, phí theo quy định của Quy chế chuyên gia nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ thì được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT, lệ phí trước bạ và thuế TNCN như hướng dẫn tại Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thuế, lệ phí đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA.

III. CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA VAY ƯU ĐÃI, VAY HỖN HỢP (DƯỚI ĐÂY GỌI CHUNG LÀ ODA VAY)

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu:

Chủ dự án ODA vay trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu thực hiện nghĩa vụ thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB theo quy định của Luật thuế XK, thuế NK, Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam:

Chủ dự án ODA vay khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo quy định tại Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án ODA vay:

3.1. Thuế NK, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA vay nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT theo quy định của Luật thuế XK, thuế NK, Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được miễn thuế NK và không phải trả thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình, dự án ODA vay và được miễn thuế XK khi tái xuất như hướng dẫn tại Điểm 3.1.b, Mục II Thông tư này.

Riêng đối với xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi

và xe ô tô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng việc miễn thuế NK, thuế TTĐB theo hình thức tạm nhập, tái xuất. Các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng phải nộp thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Mức hoàn thuế và thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế XK, thuế NK, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu và Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB.

3.2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam:

Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA vay phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại

thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA vay nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA vay hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

3.3. Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA vay không được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA vay như hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này. Nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thuộc

đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nếu đáp ứng các điều kiện, thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT.

3.4. Cá nhân làm việc cho nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN.

4. Thuế TNCN của cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài làm việc cho Chủ dự án ODA vay, Ban quản lý dự án ODA vay; các ưu đãi về thuế, lệ phí đối với chuyên gia nước ngoài làm việc cho dự án ODA vay được thực hiện như hướng dẫn tại Điểm 4, Điểm 5, Mục II Thông tư này.

5. Đối với dự án ODA vay hỗn hợp, trong đó nguồn vốn ODA không hoàn lại được tài trợ theo Hiệp định tài trợ riêng hoặc được giải ngân riêng cho từng hoạt động cụ thể của dự án thì việc thực hiện dự án tương ứng nguồn vốn ODA không hoàn lại được áp dụng chính sách thuế nêu tại Mục II Thông tư này.

Trường hợp không có Hiệp định tài trợ riêng hoặc giải ngân riêng cho từng hoạt động cụ thể của nguồn vốn ODA không hoàn lại thì chính sách thuế áp dụng của dự án ODA vay hỗn hợp thực hiện như đối với dự án ODA vay nêu tại Mục III Thông tư này.

IV. TRUY THU, NỘP THUẾ

Hàng hóa, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu để thực hiện dự án ODA đã được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT nêu tại Điểm 1, Mục II; Điểm 1, Mục III Thông tư này nếu sử dụng vào mục đích khác với mục đích được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT hoặc nhượng bán tại thị trường Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chủ dự án, nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải truy nộp thuế NK, thuế TTĐB đã được miễn đồng thời phải nộp thuế GTGT.

Hồ sơ, thủ tục truy nộp thuế NK, thuế TTĐB và kê khai, nộp thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Luật thuế NK, thuế XK, Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp Chủ dự án ODA là các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội -

ngành nghiệp không kinh doanh, khi được phép nhượng bán hàng hóa đã mua để thực hiện dự án ODA hoặc thanh lý tài sản tại thị trường Việt Nam, Chủ dự án sử dụng hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Chủ dự án ODA về việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong quá trình thực hiện dự án ODA:

Cung cấp tài liệu phục vụ quản lý thuế dự án ODA: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng xây lắp công trình, cung cấp hàng hóa, dịch vụ với các nhà thầu chính nước ngoài, các Chủ chương trình, dự án ODA phải gửi một bản sao hợp đồng (có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của Chủ chương trình, dự án) cho cơ quan thuế địa phương nơi đặt văn phòng điều hành dự án và cơ quan thuế nơi có công trình xây dựng của dự án ODA (đối với trường hợp công trình xây dựng của dự án ODA ở địa phương khác với địa phương đặt văn phòng điều hành dự án ODA). Trường hợp nếu hợp đồng được ký kết bằng tiếng nước ngoài thì gửi bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam với những nội dung chính bao gồm các chỉ tiêu: phạm vi công việc, giá trị hợp

đồng (kể cả phụ lục chi tiết cấu thành giá trị hợp đồng - nếu có), phương thức thanh toán, thời hạn hợp đồng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia ký hợp đồng. Chủ dự án ODA phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung gửi cho cơ quan thuế.

Xác định hình thức cung cấp ODA và chính sách thuế áp dụng: Căn cứ để áp dụng chính sách thuế như hướng dẫn tại Thông tư này là quyết định đầu tư, phê duyệt dự án ODA của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA và hướng dẫn hình thức cung cấp ODA tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ. Trường hợp tại quyết định đầu tư, phê duyệt dự án ODA không ghi rõ hình thức cung cấp ODA là ODA không hoàn lại hoặc ODA vay ưu đãi, ODA vay hỗn hợp, thì Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính phải bổ sung văn bản của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA ban hành quyết định đầu tư xác định rõ hình thức cung cấp ODA của dự án. Riêng đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư (dự án quan trọng quốc gia) thì phải có văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác nhận hình thức cung cấp ODA của dự án.

Thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Thông báo với các nhà thầu chính ký hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Chủ dự án ODA về chính sách thuế và các ưu đãi về thuế mà nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện và được hưởng.

Lập kế hoạch tài chính: Chủ dự án ODA phải tính đủ các khoản thuế như hướng dẫn tại Thông tư này, phát sinh trong quá trình thực hiện toàn bộ dự án trước khi trình các cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA phê duyệt dự án hoặc kết quả đấu thầu. Chủ dự án ODA phải xác định số thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT (trừ trường hợp không phải nộp hoặc được hoàn thuế GTGT) và các khoản phí, lệ phí khác phải trả, lập kế hoạch vốn đối ứng để có nguồn nộp các loại thuế phát sinh nêu trên. Đối với khoản thuế TNDN mà nhà thầu phải nộp được tính trong giá trị hợp đồng thầu, thuế TNCN tính trong chi phí tiền lương, không lập kế hoạch vốn đối ứng.

Việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Báo cáo với cơ quan tài chính quản lý tài chính của dự án số thuế GTGT được hoàn theo văn bản hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với dự án ODA của Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế:

Hướng dẫn các Chủ dự án ODA, Nhà tài trợ, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện đăng ký thuế và kê khai, nộp thuế hoặc hoàn thuế (nếu có) theo đúng chế độ quy định, thông báo tài khoản, mục lục Ngân sách nộp các loại thuế.

Kiểm tra tờ khai thuế, kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu cần thiết để tính thuế.

Yêu cầu các Chủ dự án ODA, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ cung cấp sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

Án định số thuế phải nộp trong trường hợp các Chủ dự án ODA, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ không kê khai đúng thời hạn quy định hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác hoặc không cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến việc tính thuế.

Kiểm tra, thanh tra tình hình nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế của các Chủ dự án ODA, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Lập biên bản và xử lý các vi phạm về thuế trong thẩm quyền được pháp luật quy định.

Chịu trách nhiệm thi hành pháp luật về thuế, đảm bảo tính trung thực, chính xác và khách quan.

Xác nhận các khoản thuế đã nộp của các Chủ dự án ODA, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số thuế đã xác nhận.

3. Thực hiện các điều ước quốc tế:

Trường hợp tại điều ước quốc tế (kể cả điều ước quốc tế về ODA) mà Chính phủ Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về thuế liên quan đến việc thực hiện một dự án ODA cụ thể, khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì việc áp dụng chính sách thuế đối với dự án ODA đó thực hiện theo các điều ước quốc tế đã ký kết.

4. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với Chủ dự án ODA không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế GTGT nêu tại Điểm 2, Điểm 3.4, Mục II Thông tư này:

4.1. Thủ tục đăng ký thuế và cấp mã số thuế của Chủ dự án ODA, nhà tài trợ, nhà thầu chính thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

4.2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT, thời hạn kê khai thuế GTGT đầu vào, tổ chức tiếp nhận hồ sơ và thực hiện hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của

Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Tại hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi cho cơ quan thuế, nhà thầu chính phải ghi rõ tên dự án ODA, tên Chủ dự án ODA và địa chỉ liên lạc của Chủ dự án ODA theo đường bưu điện.

4.3. Khi ban hành Quyết định hoàn thuế GTGT, ngoài các liên chứng từ được luân chuyển như hướng dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, cơ quan thuế phải gửi thêm một liên cho Chủ dự án ODA trong trường hợp hoàn thuế GTGT cho nhà thầu chính.

4.4. Trường hợp Chủ dự án được ngân sách cấp phát từ nguồn vốn đối ứng để nộp thuế GTGT nhưng Chủ dự án làm thủ tục hoàn thuế GTGT thì khi được hoàn thuế GTGT, Chủ dự án phải nộp trả ngân sách nhà nước số thuế GTGT đã được hoàn như hướng dẫn tại Thông tư số 42/2001/TT-BTC ngày 12/6/2001 của

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, hạch toán vốn hoàn thuế giá trị gia tăng cho các dự án ODA.

Trong quá trình xem xét hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với các dự án ODA, nếu phát hiện nghi vấn cần phải kiểm tra trước hoặc sau hoàn thuế thì cơ quan thuế thực hiện theo các quy định của Luật thuế GTGT, Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Thông tư số 41/2002/TT-BTC ngày 03/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các

chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các quy định trái với hướng dẫn tại Thông tư này.

Đối với các dự án ODA được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 41/2002/TT-BTC ngày 03/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đến khi kết thúc dự án./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung